

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 4252/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc phê duyệt Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải năm 2017**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

Căn cứ Quyết định số 2576/QĐ-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 4252/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 689/BGTVT-TC ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Văn bản số 3365/BGTVT-KCHT ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc điều chỉnh kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng năm 2017;

Xét đề nghị của Cục Hàng hải Việt Nam tại Tờ trình số 2066/TTr-CHHVN ngày 30/5/2017; văn bản số 2102/CHHVN-KHĐT ngày 02 tháng 6 năm 2017; văn bản số 1865/CHHVN-CTHH ngày 17 tháng 5 năm 2017; Văn bản số 2313/CHHVN-KHĐT ngày 13 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông tại Báo cáo thẩm định số 333/KCHT ngày 14 tháng 6 năm 2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải năm 2017 được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 4252/QĐ-

BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải năm 2017 như chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Bổ sung khoản 5, Điều 2 Quyết định số 4252/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải năm 2017 như sau:

“5. Tính toán thêm khối lượng sa bồi dự kiến đến thời điểm đo đạc bàn giao mặt bằng khi lập Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và tính trong dự toán công trình nạo vét duy tu các tuyến luồng hàng hải trong kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải năm 2017. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với đơn vị tư vấn thiết kế và các đơn vị có liên quan nghiên cứu dự kiến khối lượng tăng thêm trên cơ sở số liệu theo dõi kết quả đo đạc thông báo hàng hải định kỳ và nạo vét duy tu luồng trong các năm gần đây để tính toán. Khối lượng thực tế sẽ được chuẩn xác lại theo kết quả đo đạc bàn giao mặt bằng để làm cơ sở thi công, nghiệm thu và thanh quyết toán công trình.”

**Điều 3.**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kết cấu hạ tầng giao thông, Tài chính, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Miền Bắc, Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Miền Nam và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KCHT(5)Quản.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Công

**Phụ lục**

**KẾ HOẠCH NẠO VẾT DUY TU LƯỜNG HÀNG HẢI NĂM 2017**

*(Bám hành kèm theo Quyết định số: 1637/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải)*



| TT        | Tên tuyến luồng   | Chuan tác đề nghị<br>nạo vét | KLVN dự kiến (m3)    |                    | Kinh phí dự<br>kiến (triệu<br>đồng) | Thời gian thực<br>hiện | Phương thức<br>thực hiện | Mức<br>độ ưu<br>tiên | Ghi chú |
|-----------|-------------------|------------------------------|----------------------|--------------------|-------------------------------------|------------------------|--------------------------|----------------------|---------|
|           |                   |                              | Theo bình<br>đề TBHH | Dự phòng<br>sa bồi |                                     |                        |                          |                      |         |
| <b>I</b>  | <b>Miền Bắc</b>   |                              | <b>643.944</b>       | <b>724.487</b>     | <b>271.962</b>                      | <b>Năm 2017</b>        |                          |                      |         |
| 1         | Hải Phòng         | H=-7,0/-5,5m<br>B=80m        | 163.453              | 515.689            | 145.000                             |                        | Đấu thầu                 | 1                    |         |
| 2         | Kênh Cái Tráp     | H=-1,8m<br>B=70m             | 97.060               | 24.265             | 22.758                              |                        | Đấu thầu                 | 1                    |         |
| 3         | Phà Rừng          | H=-2,5m<br>B=80m/60m         | 48.442               | 68.880             | 32.893                              |                        | Đấu thầu                 | 1                    |         |
| 4         | Hòn Gai - Cái Lân | H=-10,0/-9,0m<br>B=130m      | 118.865              | 23.635             | 25.266                              |                        | Đấu thầu                 | 1                    |         |
| 5         | Cửa Lò            | H=-7,2m<br>B=110m            | 118.417              | 18.236             | 17.000                              |                        | Đấu thầu                 | 1                    |         |
| 6         | Sa Kỳ             | H=-3,5m<br>B=60m             | 53.912               | 8.088              | 8.720                               |                        | Đấu thầu                 | 1                    |         |
| 7         | Diêm Điền         | H=-1,3m<br>B=45m             | 43.795               | 65.694             | 20.325                              |                        | Đấu thầu                 | 1                    |         |
| <b>II</b> | <b>Miền Nam</b>   |                              | <b>3.862.525</b>     | <b>815.971</b>     | <b>565.748</b>                      | <b>Năm 2017</b>        |                          |                      |         |

